

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **20/2025/DS-ST**

Ngày: 25-02-2025

v/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài
sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Văn Vui.

2/ Ông Trần Hữu Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Chí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: **504/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024** về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **237/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2025**, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Trụ sở chính: 128 N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Đinh Thị Kim A, sinh năm 1990 – Chức vụ: Nhân viên công ty. (văn bản uỷ quyền ngày 01-10-2024) (có đơn đề nghị vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Trung N, sinh năm 1995. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ F, ấp P, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình cung cấp chứng cứ, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo giấy đăng ký kinh doanh đã đăng ký thì Công ty Cổ phần S Có Ngay đang hoạt động ở nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực cầm cố tài sản.

Vào ngày 28-2-2023, anh Nguyễn Trung N có tới Chi nhánh T1 - Công ty Cổ phần S Có Ngay để ký hợp đồng cầm cố tài sản số T2M230201009NA19X. Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán, anh - N đã yêu cầu Chi nhánh T1 - Công ty Cổ phần S Có Ngay cùng ký hợp đồng cầm cố để bảo lãnh cho anh N được nhận giải ngân số tiền 18.700.000 đồng. Thời hạn cầm cố là 18 tháng (từ ngày 28-02-2023 đến ngày 28-08-2024), lãi suất cầm cố là 1,1%/tháng và phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng theo dư nợ thực tế kể từ ngày nhận tiền. Khi ký hợp đồng cầm cố tài sản, thì hai bên tiến hành lập hợp đồng và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng chính. Trong nội dung của phụ lục hợp đồng cầm cố, bên cầm cố tài sản đã đồng ý cho Chi nhánh T1 - Công ty Cổ phần S Có Ngay có quyền cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng lợi tức đến khi chấm dứt hợp đồng. Thỏa thuận này thực hiện đúng quyền của bên nhận cầm cố quy định tại khoản 3 Điều 314 của Bộ luật Dân sự.

Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên anh N có làm đơn xin mượn lại xe cầm cố trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày 28-02-2023 đến hết ngày 28-3-2023 sẽ trả lại xe đã mượn cho Công ty . Địa điểm trả xe tại Chi nhánh T1 - Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Để đảm bảo cho khoản cầm cố tài sản số T2M230201009NA19X ký ngày 28-02-2023, anh N đã thế chấp tài sản đảm bảo bằng một chiếc xe gắn máy có nhãn hiệu SUZUKI SATRIA mang biển số 70E1-507.63 màu đen đỏ với số khung là MH8DL11AZKJ20989 và số máy là CGA1ID209870. Tài sản trên đã được công ty đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của cục Đ với số hợp đồng là 1490264149. Bắt đầu từ kỳ của ngày 28-4-2023 đến nay, anh N đã quá hạn thanh toán, nhưng vẫn không trả lại xe cầm cố và đồng thời cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe. Dù là đã nhận thư thông báo và được gọi điện nhiều lần, nhưng anh N vẫn không trả lại tài sản cầm cố cho Công ty và đồng thời cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết.

Công ty đã không còn liên lạc được với anh N sau ngày 30-8-2023. Từ lúc ký hợp đồng cầm cố tài sản và nhận tiền, anh N đã thanh toán cho công ty T2 tiền là 3.350.000 đồng. Trong đó gồm có 989.800 đồng tiền gốc; 400.512 đồng lãi trong hạn; 1.970.850 đồng lãi quá hạn; 182.051 đồng phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng; cuối cùng là 1.122.000 đồng phí hao mòn và bảo dưỡng khi mượn lại xe.

Ngày 24-02-2025, người đại diện theo uỷ quyền của Công ty Cổ phần S Có Ngay có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu khởi kiện còn lại như sau: Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu buộc anh Nguyễn Trung N

phải có nghĩa vụ trả lại toàn bộ nợ gốc, lãi theo Hợp đồng cầm cố số T2M230201009NA19X và phụ lục hợp đồng ghi ngày 28-02-2023 giữa công ty và anh N. Trong đó bao gồm:

- + Tiền gốc là 17.710.200 đồng.
- + Tiền lãi quá hạn là 1,65%/tháng (cụ thể là 1,1%/tháng x 150%) trên dư nợ thực tế từ ngày 28-4-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.
- + Phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế từ ngày 28-4-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.
- + Công ty không yêu cầu anh N có nghĩa vụ trả các khoản phí khác như phí hao mòn và bảo dưỡng khi mượn xe, phí thanh lý trước hạn ...
- + Ngoài ra, anh Nguyễn Trung N vẫn phải tiếp tục chịu lãi và phí quản lý hồ sơ phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi hoàn toàn trả hết nợ. Trường hợp anh N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên Công ty cổ phần S Có Ngay được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo cụ thể là chiếc xe gắn máy nhãn hiệu SUZUKI SATRIA màu Đen Đỏ mang biển số 70E1-507.63 để thu hồi khoản nợ cho công ty. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản đã nợ thì anh N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho công ty.

Bị đơn anh Nguyễn Trung N đã được triệu tập hợp lệ từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào **Điều 310, 311, 312, 314, 316, 357** Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với bị đơn anh Nguyễn Trung N về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản. Buộc anh N có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay toàn bộ nợ gốc **17.710.200 đồng, lãi phát sinh** và phí quản lý hồ sơ đến ngày xét xử sơ thẩm. Anh N phải tiếp tục chịu lãi và phí quản lý hồ sơ phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ. Về án phí dân sự sơ thẩm thì anh N chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty Cổ Phần S Có Ngay khởi kiện anh Nguyễn Trung N về hợp đồng cầm cố. Anh N có nơi cư trú tại ấp P, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, do đó căn cứ Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là chị Đinh Thị Kim A có đơn đề nghị vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Trung N đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa. Vì vậy căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị Kim A và anh N.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về tính hợp pháp của hợp đồng cầm cố:

Công ty Cổ phần S Có Ngay cung cấp hợp đồng cầm cố số T2M230201009NA19X và phụ lục hợp đồng ghi ngày 28-02-2023 giữa công ty và anh Nguyễn Trung N, số tiền cầm cố là 18.700.000 đồng, thời hạn cầm cố là 18 tháng, lãi suất 1,1%/tháng, phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế kể từ ngày nhận tiền. Để đảm bảo cho khoản tiền cầm cố, anh N đã thế chấp tài sản đảm bảo là một chiếc xe gắn máy có nhãn hiệu SUZUKI SATRIA mang biển số 70E1-507.63. Tài sản trên đã được công ty đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của Cục Đ với số hợp đồng là 1490264149. Xét thấy, hợp đồng cầm cố trên được thực hiện đảm bảo theo quy định tại các Điều 309, 310, 311, 312, 313, 314, 468 của Bộ luật Dân sự, do đó hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xác định, sau khi ký hợp đồng cầm cố đến ngày 28-4-2023 thì anh N trả cho công ty cụ thể như sau: Tiền nợ gốc 989.800 đồng; tiền lãi trong hạn 400.512 đồng; tiền lãi quá hạn 2.107.219 đồng; phí quản lý hồ sơ 181.051 đồng và phí hao mòn, bảo dưỡng khi mượn lại xe 1.122.000 đồng. Từ ngày 28-4-2023 cho đến nay thì anh N không trả cho công ty B khoản tiền nào. Xét thấy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện nhưng anh N không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến, vì vậy căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xem như anh N đồng ý, không phản đối lời trình bày và các chứng cứ do công ty cung cấp. Do đó có căn cứ xác định anh N chưa thanh toán xong tiền nợ gốc, nợ lãi cho công ty là có thật. Căn cứ khoản 3 Điều 311 của Bộ luật Dân sự và nội dung thoả thuận của hợp đồng cầm cố thì buộc anh N có nghĩa vụ thanh toán cho công ty số tiền nợ gốc, nợ lãi và phí quản lý hồ sơ là phù hợp. Các khoản được tính cụ thể như sau:

+ Tiền nợ gốc là 17.710.200 đồng.

+ Tiền lãi quá hạn 1,65%/tháng (cụ thể là 1,1%/tháng lãi trong hạn x 150%) trên dư nợ thực tế từ ngày 28-4-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (25-02-2025) là: 01 năm 09 tháng 28 ngày x 1,65% x 17.710.200 = 6.409.300 đồng (đã làm tròn).

+ Phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế từ ngày 28-4-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (25-02-2025) là: 01 năm 09 tháng 28 ngày x 0,5%/tháng x 17.710.200 = 1.942.200 đồng (đã làm tròn).

Tổng cộng là 25.701.700 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Trung N phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn và phí quản lý hồ sơ của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cầm cố số T2M230201009NA19X và phụ lục hợp đồng ghi ngày 28-02-2023.

[3.2] Ghi nhận Công ty Cổ phần S không yêu cầu anh Nguyễn Trung N có nghĩa vụ trả các khoản phí khác như phí hao mòn và bảo dưỡng khi mượn xe và phí thanh lý trước hạn.

[3.3] Về xử lý tài sản cầm cố:

Trường hợp anh Nguyễn Trung N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, Công ty Cổ phần S Có Ngay được quyền xử lý hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố là chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Suzuki, số loại Satria mang biển số 70E1-507.63 để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản cầm cố không đủ thanh toán thì anh N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho công ty theo Điều 307 của Bộ luật Dân sự.

Khi việc cầm cố chấm dứt theo khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 315 của Bộ luật Dân sự thì công ty có nghĩa vụ trả lại bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mà công ty đang giữ cho anh N theo Điều 316 của Bộ luật Dân sự.

[4] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu là phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử, do đó có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì anh Nguyễn Trung N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, cụ thể: 25.701.700 đồng x 5% = 1.285.085 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 303, 307, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 316, 468, 497 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, 35, 39, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với anh Nguyễn Trung N về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản.

- Buộc anh Nguyễn Trung N có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền nợ gốc 17.710.200 đồng, tiền lãi quá hạn 6.409.300 đồng và phí

quản lý hồ sơ 1.942.200 đồng. Tổng cộng là 25.701.700 (Hai mươi lăm triệu bảy trăm lẻ một ngàn bảy trăm) đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Trung N phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn và phí quản lý hồ sơ của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất thoả thuận tại hợp đồng cầm cố số T2M230201009NA19X và phụ lục hợp đồng ghi ngày 28-02-2023.

- Trường hợp anh Nguyễn Trung N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Công ty Cổ phần S Có Ngay được quyền xử lý hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố là chiếc xe gắn máy nhãn hiệu SUZUKI màu Đen Đỏ, số loại SATRIA, số khung: MH8DL11AZKJ209891, số máy CGA1ID209870, biển số 70E1-507.63 để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản cầm cố không đủ thanh toán thì anh N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho công ty theo Điều 307 của Bộ luật Dân sự.

- Khi việc cầm cố chấm dứt theo khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 315 của Bộ luật Dân sự thì Công ty Cổ phần S có nghĩa vụ trả lại cho anh Nguyễn Trung Nhân bản C giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 70000370 do Công an xã S cấp ngày 28-9-2022 và xoá đăng ký giao dịch bảo đảm.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Nguyễn Trung N phải chịu 1.285.085 (Một triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn không trăm tám mươi lăm) đồng.

- Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí **867.000 (Tám sáu mươi bảy ngàn) đồng mà công ty đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008258 ngày 05-11-2024.**

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- Chi cục THADS Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu.

Lê Hoàng Nam